

TAND HUYỆN LỤC NGẠN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2018/ HS-ST

Ngày 27/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Côn
2. Ông Giáp Văn Phẩm

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Thế Thiện - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:
Bà Đặng Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2018/ HSST ngày 09/02/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn Th, sinh năm 1992.

Tên gọi khác: Hoàng.

Sinh, trú quán: Thôn K B, xã D T, huyện K M, tỉnh H D.

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trình độ văn hoá: 9/12.

Đảng, đoàn thể: Không.

Con ông: Phạm Văn T, sinh năm 1963; Con bà: Trần Thị S, sinh năm 1970.

Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1992.

Con: Có 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014).

Tiền án, tiền sự: Chưa có

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 70/2017/HSST ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện C G, tỉnh H D xử phạt Phạm Văn Th 16 tháng tù về “tội trộm cắp tài sản” và 08 tháng tù về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc Phạm Văn Th phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội là 24 tháng tù.

Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C G bắt tạm giam từ ngày 14/9/2017. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam - Công an tỉnh H D (Có mặt).

* Người bị hại: Anh Tô Văn V, sinh năm 1996

Trú quán: H A – H Đ – L Ng – B G (Vắng mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Văn Q - sinh năm 1989

Trú quán: Thôn T L, thị trấn M T, huyện K M, tỉnh H D (Vắng mặt).

* Người làm chứng:

Bà Tô Thị Ch, sinh năm 1938

Trú quán: H A – H Đ – L Ng – B G (Vắng mặt).

Chị Tô Thị H, sinh năm 2001

Trú quán: H A – H Đ – L Ng – B G (Vắng mặt).

Anh Khiếu Văn T, sinh năm 1979

Trú quán: T X– B H – Y Th – B G (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2016, do có quen biết trên mạng xã hội facebook nên anh Tô Văn V, sinh năm 1996, trú tại thôn H A, xã H Đ, huyện L Ng, tỉnh B G được anh Khiếu Văn T, sinh năm 1979, trú tại: Thôn T X, thị trấn B H, huyện Y Th, tỉnh B G giới thiệu việc làm cho một nhà hàng ở Khu Công Nghiệp Đ Tr, huyện V Y, tỉnh B G. Quá trình làm thuê tại đây, anh V làm cùng Phạm Văn Th, sinh năm 1992, trú tại thôn K B, xã D T, huyện K M, tỉnh H D nên hai người có quen biết nhau. Khi gặp anh V thì Th giới thiệu tên là Ph quê ở H Dư. Ngày 28/6/2017, khi Th đang ở nhà T chơi thì T có nói là sẽ đi làm lễ ở huyện L Ng và rủ Th lên nhà anh V chơi, Th đồng ý. Sau đó, Th cùng T đi xe máy của T đến nhà V chơi. Buổi trưa cùng ngày, Th và T đi đến nhà anh V và ăn cơm trưa tại đây. Đến khoảng 15 giờ cùng

ngày thì T nói có việc ở trên xã C S, huyện L Ng nên xin phép về trước còn Th vẫn ở nhà anh Vchơi. Sau đó, anh V đưa Th đi uống bia và thăm quan vườn vải. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày khi quay về nhà anh V thì Th hỏi mượn anh V chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Jupiter, màu trắng xanh, biển số 98E – 445.71 để đi mua thuốc lá. Anh V đồng ý và bảo “chìa khóa vẫn để ngoài xe, đi nhanh rồi về ăn cơm”. Sau đó, Th đi ra ngoài sân, lên xe mở khóa điện và nổ máy đi. Trên đường đi, Th nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của anh V nên điều khiển đi thẳng ra phòng trọ của Th ở H N. Khoảng 4 đến 5 ngày sau, Th điều khiển chiếc xe mô tô chiếm đoạt được của anh V đến nhà anh Lê Văn Q, sinh năm 1989, trú tại thôn T L, thị trấn M T, huyện K M, tỉnh H D (là anh vợ của Th) để phụ giúp công việc nhà và có ở lại đây 2 ngày. Sau khi phụ giúp công việc cho gia đình anh Q xong, Th nhờ anh Q thế chấp chiếc xe để lấy tiền trả tiền phòng trọ và tiêu sài nhưng không được. Sau đó, Th hỏi vay Q số tiền 3.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô lại để làm tin. Q đồng ý và nhờ bạn là Tô Văn T, sinh năm 1990, trú tại thôn T L, thị trấn K M, tỉnh H D mang tiền cho Th và đi xe về nhà Q. Sau khi nhận tiền, Th đón xe ô tô đi H N và chi tiêu hết số tiền vay vào mục đích cá nhân. Sau nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin qua zalo cho Th để đòi lại xe nhưng không được nên anh Tô Văn V đã trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L Ng và giao nộp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 98E1- 44571 mang tên Tô Văn Vg để phục vụ điều tra.

Ngày 13/9/2017, sau khi biết chiếc xe mô tô biển số 98E1- 445.71 mà Th để lại có liên quan đến vụ việc đang được điều tra, anh Lê Văn Q đã giao nộp chiếc xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L Ng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L Ng đã ra quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe nhãn hiệu Yamaha, loại xe Jupiter, màu trắng xanh, biển số 98E – 445.71 mà Th chiếm đoạt của anh Tô Văn V. Tại bản kết luận số 224/KL-HĐ ngày 15/9/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện L Ng xác định: Giá trị chiếc xe trên ở thời điểm chiếm đoạt là 25.200.000 đồng.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Văn Th đã khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận việc lạm dụng tín nhiệm của anh V, nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 98E – 445.71 để cầm được số tiền 3.000.000 đồng chi tiêu cá nhân, bị cáo thấy hành vi của mình

là sai, vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra đã được công bố tại phiên tòa.

Tại bản Cáo trạng số 12/KSĐT ngày 07 tháng 02 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện L Ng đã truy tố bị cáo Phạm Văn Th về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L Ng giữ quyền công tố nhà nước tại phiên tòa đã luận tội bị cáo, phân tích tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Th phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Văn Th từ 16 đến 18 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp với bản án số hình sự sơ thẩm số 70/2017/HSST ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện C G, tỉnh H D xử phạt bị cáo 24 tháng tù về “tội trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phạm Văn Th phải chịu hình phạt chung cho cả hai bản án từ 40 đến 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam của bản án số 70/2017/HSST ngày 19/12/2017, ngày 14/9/2017.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Văn Th phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện L Ng, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tang vật chứng thu hồi được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận: “Ngày 28/6/2017, tại gia đình anh Tô Văn V ở thôn H A, xã H Đ, huyện L Ng, tỉnh B G, Phạm Văn Th đã hỏi mượn anh Vượng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Jupiter, màu trắng xanh, biển số 98E1– 445.71, có trị giá 25.200.000 đồng để đi mua thuốc lá. Sau khi mượn được xe mô tô của anh V, Th nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe đó mang đi cầm cố cho anh Lê Văn Q để vay số tiền 3.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân”.

Hành vi nêu trên của Phạm Văn Th đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự. Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng đó truy tố. Hội đồng xét xử xét thấy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L Ng đã truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn Th không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù lần phạm tội này bị cáo chưa có tiền án, tiền

sự, tuy nhiên bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện C G, tỉnh H D xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản, điều đó chứng tỏ bị cáo là người khó giáo dục, coi thường pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi địa phương một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Đối với anh Khiếu Văn T là người đi cùng Th đến nhà anh Vnhưng anh T không được bàn bạc với Th về việc chiếm đoạt chiếc xe của anh V nên không có căn cứ xử lý.

Đối với anh Lê Văn Q, khi cho Th vay tiền và nhận gửi giữ chiếc xe mô tô mà Th chiếm đoạt của anh V lại làm tin nhưng do Q không biết chiếc xe trên là tài sản do Th phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với anh Tô Văn T là người được Lê Văn Q nhờ mang tiền cho Th vay. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L Ng đã triệu tập đến làm việc nhưng anh T vắng mặt tại địa phương, chưa làm việc được nên chưa có căn cứ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Tô Văn V đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu đề nghị gì, anh Lê Văn Q cũng không có yêu cầu đề nghị gì, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện L Ng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại toàn bộ tài sản cho chủ sở hữu, chủ sở hữu không có ý kiến gì, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Th phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 140; Điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Phạm Văn Th 16 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tổng hợp với 24 tháng tù của bản án hình sự số 70/2017/HSST

ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện C G, tỉnh H D, buộc bị cáo Phạm Văn Th phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 40 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2017.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Văn Th phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện L Ng;
- Công an huyện L Ng;
- Chi cục THADS huyện L Ng;
- Bị cáo;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Thế